

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72A/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2021

*“V/v tranh chấp hôn nhân gia  
đình – Xin ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Thị Điệp;

Ông Trần Văn Bé Hai.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Kim Xoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 177/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 143B/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 170A/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 221A/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** chị L.T.M.T, sinh năm: 1987; Địa chỉ: ẤP D, ĐT.

**Bị đơn:** anh T.V.V, sinh năm: 1986; Địa chỉ: TỔ G, ĐT.

*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Nguyên đơn chị L.T.M.T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị L.T.M.T và anh T.V.V kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Trung cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/2007, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh V thường xuyên đi nhậu và đánh chị T, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân được 09 tháng nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L.T.M.T yêu cầu ly hôn với anh T.V.V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên T.T.N.T, sinh năm 2007 và T.Đ.K, sinh năm: 2009. Hiện tại con chung T.T.N.T đang sống chung với chị T; con chung tên T.Đ.K đang sống chung với anh V. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung T.T.N.T và anh V nuôi con chung tên T.Đ.K. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T đồng ý nộp thay cho anh V.

**\* Tại phiên toà bị đơn T.V.V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh T.V.V thừa nhận lời trình bày của chị L.T.M.T là đúng về thời gian kết hôn, trong quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn và anh V có đánh chị T. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng còn hàn gắn được nên anh T.V.V không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.T.M.T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên T.T.N.T, sinh năm 2007 và T.Đ.K, sinh năm: 2009. Hiện tại con chung T.T.N.T đang sống chung với chị T; con chung tên T.Đ.K đang sống chung với anh V. Khi ly hôn anh V thống nhất theo nguyện vọng của con chung là T.T.N.T có nguyện vọng sống chung với chị T và T.Đ.K có nguyện vọng sống chung với anh V. Anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh V đồng ý theo trình bày của chị T.

**Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 06/8/2020 của chị L.T.M.T (bản chính);
- Giấy CMND chị L.T.M.T và T.V.V (bản phô tô);
- Sổ hộ khẩu của T.V.V (bản phô tô);
- Giấy khai sinh của T.Đ.K và T.T.N.T (bản sao);
- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đối thoại tại Tòa án của L.T.M.T (bản chính).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị L.T.M.T yêu cầu ly hôn với anh T.V.V do đó đây là tranh chấp ly hôn. Anh T.V.V là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ÁP D, ĐT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị L.T.M.T về việc yêu cầu được ly hôn với anh T.V.V và yêu cầu

nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con*”.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Về hôn nhân, chị T và anh V đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm nhau, đến năm 2020 thì vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh V là có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa, anh V thừa nhận trong quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn và anh V có đánh chị T, không còn quan tâm lẫn nhau và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải và phiên tòa anh V cho rằng hiện nay tình cảm vợ chồng còn hàn gắn được nên anh T.V.V không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.T.M.T nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị T cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh V và cương quyết muốn ly hôn với anh V. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh V là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên T.T.N.T, sinh năm 2007 và T.Đ.K, sinh năm: 2009. Hiện tại con chung T.T.N.T đang sống chung với chị T; con chung tên T.Đ.K đang sống chung với anh V. Tại phiên tòa chị T và anh V thống nhất con chung T.T.N.T do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, con chung tên T.Đ.K do anh V trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp theo nguyện vọng của con chung. Chị T và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T và anh V không có yêu cầu.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Án phí: Chị L.T.M.T tự nguyện chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn L.T.M.T.

1. Về hôn nhân: L.T.M.T được ly hôn với anh T.V.V.

2. Về con chung: chị L.T.M.T được trực tiếp nuôi con chung tên T.T.N.T, sinh năm 2007; anh T.V.V được trực tiếp nuôi con chung tên T.Đ.K, sinh năm: 2009. Anh V và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T và anh V không có yêu cầu.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: chị L.T.M.T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012469 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Chi cục THA HCL;
- UBND xã Tân Hội Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Chí Tâm**